

Người ký: Sở Y tế
Cơ quan: Ủy ban Nhân
dân tỉnh Thái Bình
Thời gian ký:
12.08.2016 09:04:06

UBND TỈNH THÁI BÌNH
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 884/QĐ-SYT

Thái Bình, ngày 11 tháng 8 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt bổ sung Danh mục kỹ thuật
trong khám bệnh, chữa bệnh tại Bệnh viện Lao và Bệnh phổi

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Quyết định số 997/QĐ-UBND ngày 12/5/2009 của UBND tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Sở Y tế;

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009;

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế về việc Quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Xét đề nghị của Giám đốc Bệnh viện Lao và Bệnh phổi tại văn bản số 142/TTr-BVL&BP ngày 03/6/2016 đề nghị phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh và đề nghị của Hội đồng Chuyên môn ngành Y tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung 161 danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh tại Bệnh viện Lao và Bệnh phổi (có Danh mục kỹ thuật kèm theo).

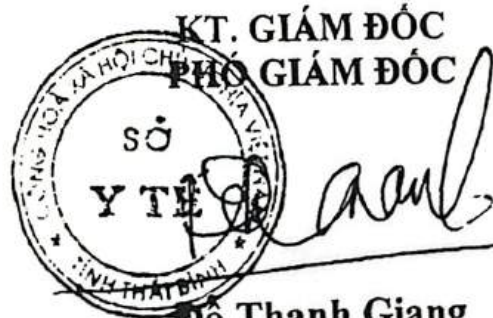
Điều 2. Giám đốc Bệnh viện Lao và Bệnh phổi chịu trách nhiệm triển khai thực hiện kỹ thuật được phê duyệt; các Trưởng phòng chuyên môn nghiệp vụ Sở Y tế có nhiệm vụ kiểm tra, giám sát việc thực hiện các kỹ thuật được phê duyệt tại Bệnh viện Lao và Bệnh phổi.

Điều 3. Các ông/bà Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Nghiệp vụ Y, các Trưởng phòng chuyên môn nghiệp vụ Sở Y tế, Giám đốc Bệnh viện Lao và Bệnh phổi và Thủ trưởng đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực từ ngày ký ./. *ĐT*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lãnh đạo Sở Y tế;
- BHXH tỉnh;
- Lưu: VT, NVY.



Đỗ Thanh Giang



**DANH MỤC KỸ THUẬT PHÊ DUYỆT BỔ SUNG
THỰC HIỆN TẠI BỆNH VIỆN LAO VÀ BỆNH PHỔI**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 884 /QĐ-SYT ngày 11/8/2016 của Sở Y tế)

STT	STT (43)	DANH MỤC KỸ THUẬT
		I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC
		A. TUẦN HOÀN
		B. HÔ HẤP
1	60	Thở oxy qua mặt nạ có túi không hít lại (túi có van) (≤ 8 giờ)
2	61	Thở oxy qua ống chữ T (T-tube) (≤ 8 giờ)
3	68	Đặt nội khí quản cấp cứu bằng Combitube
4	89	Đặt canuyn mở khí quản O2 nòng
5	100	Nội soi màng phổi để chẩn đoán
6	101	Nội soi màng phổi sinh thiết
7	106	Nội soi khí phế quản cấp cứu
8	107	Nội soi phế quản ống mềm chẩn đoán cấp cứu ở người bệnh không thở máy
9	111	Nội soi khí phế quản lấy dị vật
10	112	Bơm rửa phế quản
11	113	Rửa phế quản phế nang
12	114	Rửa phế quản phế nang chọn lọc
13	120	Nội soi khí phế quản hút đờm
14	122	Nội soi phế quản và chải phế quản
		E. TOÀN THÂN
15	253	Lấy máu tĩnh mạch bẹn
16	267	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng (một lần)
		H. THĂM DÒ KHÁC
17	304	Chụp X quang cấp cứu tại giường
		II. NỘI KHOA
		A. HÔ HẤP
18	19	Đo dung tích toàn phổi
19	34	Nong khí quản, phế quản bằng nội soi ống cứng
20	38	Nội soi màng phổi, sinh thiết màng phổi
21	39	Nội soi màng phổi, gây dính bằng thuốc/ hóa chất
22	51	Nội soi phế quản qua ống nội khí quản
23	59	Nghiệm pháp kích thích phế quản
		D. THẬN TIẾT NIỆU
24	177	Chọc hút nước tiểu trên xương mu
25	211	Nong niệu đạo và đặt sonde đái
		E. CƠ XƯƠNG KHỚP
26	340	Chọc hút tế bào cơ bằng kim nhỏ
27	347	Chọc hút tế bào khối u dưới hướng dẫn của siêu âm
28	353	Hút dịch khớp khuỷu
29	355	Hút dịch khớp cổ chân
30	357	Hút dịch khớp cổ tay

[Handwritten signature]

		III. NHI KHOA
		I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC
		B. HỒ HẤP
31	53	Nội soi khí phế quản bằng ống soi mềm
32	62	Nội soi khí phế quản ở NB suy hô hấp
33	64	Nội soi khí phế quản điều trị xẹp phổi
34	65	Bơm rửa phế quản có bàn chải
35	66	Bơm rửa phế quản không bàn chải
36	72	Nội soi khí phế quản để cầm máu
37	90	Khí dung thuốc thở máy
38	97	Mở khí quản ngược dòng cấp cứu
39	103	Làm ẩm đường thở qua máy phun sương mù
40	110	Thở oxy qua mặt nạ có túi
		Đ. TIÊU HÓA
41	174	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường tĩnh mạch trung tâm
		III. Y HỌC CỔ TRUYỀN
		G. XOA BÓP BẨM HUYẾT
42	637	Xoa bóp bấm huyết điều trị viêm mũi xoang
43	638	Xoa bóp bấm huyết điều trị hen phế quản
		IV. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG
		A. VẬT LÝ TRỊ LIỆU - PHỤC HỒI CHỨC NĂNG
44	807	Xoa bóp cục bộ bằng tay (60 phút)
45	860	Vật lý trị liệu cho người bệnh áp xe phổi
46	889	Tập do cứng khớp
47	892	Tập vận động đoạn chi 30 phút
48	893	Tập vận động đoạn chi 15 phút
49	896	Tập vận động cột sống
50	901	Tập luyện với ghế tập cơ 4 đầu đùi
51	904	Tập với xe lăn
		B. LÀM VÀ SỬ DỤNG CÁC DỤNG CỤ TRỢ GIÚP
52	969	Thang tường
53	970	Thanh song song
54	971	Các dụng cụ giúp thở
55	981	Bàn tập mạnh cơ tứ đầu đùi
		V. NỘI SOI CHẨN ĐOÁN, CAN THIỆP
		B. TAI - MŨI - HỌNG
56	998	Nội soi thanh quản ống mềm không sinh thiết
		C. THANH- PHẾ QUẢN
57	1013	Nội soi thanh quản ống mềm có thể sinh thiết
58	1018	Nội soi phế quản chải phế quản chẩn đoán
59	1020	Nội soi rửa phế quản phế nang toàn bộ phổi
60	1021	Nội soi phế quản lấy dị vật (ống cứng, ống mềm)
		D. LÒNG NGỰC- PHỔI
61	1029	Nội soi màng phổi để chẩn đoán và điều trị
		VII. GÂY MÊ HỒI SỨC
62	1266	Kỹ thuật đặt nội khí quản 1 bên với nòng chặn (blocker)
63	1280	Kỹ thuật đo và theo dõi SpO ₂
64	1288	Theo dõi truyền dịch bằng máy đếm giọt

65	1289	Theo dõi truyền máu bằng máy đếm giọt
66	1381	Kỹ thuật đặt nội khí quản khó với ống soi mềm
67	1414	Kỹ thuật chọc tĩnh mạch cảnh trong
68	1415	Kỹ thuật chọc tĩnh mạch cảnh ngoài
69	1416	Kỹ thuật chọc tĩnh mạch đùi
70	1459	Chăm sóc catheter động mạch
71	1470	Phát hiện, phòng, điều trị nhiễm khuẩn bệnh viện (vết phẫu thuật, catheter, hô hấp, tiết niệu...)
		XIII. NỘI KHOA
		B. TIM MẠCH - HÔ HẤP
72	2326	Dẫn lưu ổ áp xe phổi dưới hướng dẫn của siêu âm
		Đ. CƠ - XƯƠNG - KHỚP
73	2367	Chọc dịch khớp
74	2372	Tiêm corticoide vào khớp
		E. DỊCH ỨNG - MIỄN DỊCH LÂM SÀNG
75	2380	Giám miễn cảm đường tiêm và dưới da
		G. TRUYỀN NHIỄM
76	2385	Lấy bệnh phẩm họng để chẩn đoán các bệnh nhiễm trùng
		XIV. LAO (ngoại lao)
77	2424	Bơm rửa ổ lao khớp
		E. LÒNG NGỰC - TIM MẠCH - PHỔI
		M. XẠ TRỊ - HÓA TRỊ LIỆU
78	2796	Điều trị hóa chất triệu chứng
79	2806	Chọc hút tế bào chẩn đoán
80	2807	Sinh thiết khối u bằng kim nhỏ
		XIX. NGOẠI KHOA
		B. TIM MẠCH - LÒNG NGỰC
		4. Ngực - phổi
81	3247	Đặt dẫn lưu khí, dịch màng phổi
82	3248	Dẫn lưu áp xe phổi
		D. GAN- MẬT - LÁCH - TỤY
		3. Bàn quang
83	3525	Bơm rửa bàn quang, bơm hóa chất
		4. Niệu đạo
84	3606	Nong niệu đạo
		<i>Hết phần Nhi khoa</i>
		VII. NỘI TIẾT
		8. Các kỹ thuật trên người bệnh đái tháo đường
85	231	Chích rạch, dẫn lưu ổ áp xe trên người bệnh đái tháo đường
		VIII. Y HỌC CỔ TRUYỀN
		H. XOA BÓP BẨM HUYỆT
86	396	Xoa bóp bấm huyết điều trị cứng khớp chi trên
87	397	Xoa bóp bấm huyết điều trị cứng khớp chi dưới
88	408	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau đầu, đau nửa đầu
89	419	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng tiền đình

		IX. GÂY MÊ HỒI SỨC
		A. CÁC KỸ THUẬT
90	2	Kỹ thuật cách ly dự phòng
91	3	Kỹ thuật cách ly nhiễm trùng
92	28	Đặt catheter tĩnh mạch cánh ngoài
93	38	Đặt nội khí quản khó ngược dòng
94	41	Đặt nội khí quản mò qua mũi
95	69	Kỹ thuật gây tê 3 trong 1
96	100	Kỹ thuật giảm đau bằng morphin tĩnh mạch theo kiểu PCA
97	137	Mở khí quản bằng dụng cụ nong
98	138	Mở khí quản qua da bằng bóng nong
		Đ. AN THẦN
99	4483	An thần nội soi phế quản sinh thiết chẩn đoán
		X. NGOẠI KHOA
		4. Dịch não tủy
100	57	Chọc dịch não tủy thắt lưng (thủ thuật)
		C. TIẾT NIỆU-SINH DỤC
		2. Niệu quản
101	329	Nong niệu quản
		XV. TAI MŨI HỌNG
		B. MŨI-XOANG
102	143	Lấy dị vật mũi gây tê/gây mê
103	144	Nội soi lấy dị vật mũi gây tê/gây mê
		C. HỌNG - THANH QUẢN
104	199	Nội soi bơm rửa đường hô hấp qua nội khí quản
105	200	Nội soi bơm rửa khí phế quản
106	245	Nội soi khí quản ống mềm chẩn đoán gây tê
107	247	Nội soi khí quản ống mềm lấy dị vật gây tê
108	249	Nội soi khí quản ống mềm sinh thiết u gây tê
109	251	Nội soi phế quản ống mềm chẩn đoán gây tê
110	255	Nội soi phế quản ống mềm sinh thiết u gây tê
		D. ĐẦU CŔ
111	303	Thay băng vết mổ
112	304	Chích áp xe nhỏ vùng đầu cổ
		XVII. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG
		A. VẬT LÝ TRỊ LIỆU
		(nhân viên y tế trực tiếp điều trị cho người bệnh)
113	14	Điều trị bằng tia tử ngoại tại chỗ
114	15	Điều trị bằng tia tử ngoại toàn thân
		C. HOẠT ĐỘNG TRỊ LIỆU (nhân viên y tế trực tiếp tập hoặc hướng dẫn người bệnh)
115	92	Kỹ thuật tập sử dụng và điều khiển xe lăn
116	93	Kỹ thuật hướng dẫn người liệt hai chân ra vào xe lăn
117	94	Kỹ thuật hướng dẫn người liệt nửa người ra vào xe lăn

de

		D. NGÔN NGỮ TRỊ LIỆU (nhân viên y tế trực tiếp hướng dẫn người bệnh tập)
118	104	Tập nuốt
119	105	Tập nói
120	106	Tập nhai
121	108	Tập giao tiếp (ngôn ngữ ký hiệu, hình ảnh...)
		XVIII. ĐIỆN QUANG
		A. SIÊU ÂM CHẨN ĐOÁN
		1. Siêu âm đầu, cổ
122	4	Siêu âm hạch vùng cổ
		2. Chụp Xquang số hóa
123	16	Chụp X-quang số hóa 1 phim
124	17	Chụp X-quang số hóa 2 phim
125	18	Chụp X-quang số hóa 3 phim
		Đ. KỸ THUẬT ĐIỆN QUANG MẠCH MÁU VÀ CAN THIỆP
		5. Sinh thiết, chọc hút và điều trị dưới hướng dẫn siêu âm
126	609	Sinh thiết hạch (hoặc u) dưới hướng dẫn siêu âm
127	611	Sinh thiết phần mềm dưới hướng dẫn siêu âm
		XX. NỘI SOI CHẨN ĐOÁN, CAN THIỆP
		C. KHÍ- PHẾ QUẢN
128	25	Nội soi khí - phế quản ống mềm chẩn đoán
129	28	Nội soi khí - phế quản ống mềm chải phế quản chẩn đoán
130	29	Nội soi khí - phế quản ống mềm rửa phế quản phế nang chọn lọc
131	31	Nội soi khí - phế quản ống mềm lấy dị vật
132	33	Nội soi khí - phế quản ống mềm qua ống nội khí quản
133	36	Nội soi khí - phế quản ống mềm hút đờm qua ống nội khí quản
		XXII. HUYẾT HỌC, TRUYỀN MÁU
		A. XÉT NGHIỆM ĐÔNG MÁU
134	21	Co cục máu đông (Tên khác: Co cục máu)
		C. TẾ BÀO HỌC
135	123	Huyết đồ (bằng phương pháp thủ công)
136	124	Huyết đồ (bằng máy đếm tổng trừ)
137	150	Xét nghiệm tế bào trong nước tiểu (bằng máy tự động)
138	153	Xét nghiệm tế bào trong nước dịch chẩn đoán tế bào học (não tủy, màng tim, màng phổi, màng bụng, dịch khớp, rửa phế quản...) bằng máy phân tích huyết học tự động
139	156	Xử lý và đọc tiêu bản (tủy, lách, hạch)
140	159	Xử lý bệnh phẩm sinh thiết và chẩn đoán tổ chức học
141	165	Làm thủ thuật chọc hút hạch làm hạch đồ
142	167	Làm thủ thuật sinh thiết hạch
143	168	Xét nghiệm mô bệnh học hạch
		D. HUYẾT THANH HỌC NHÓM MÁU
144	280	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật phiên đá)
145	281	Định nhóm máu khó hệ ABO (Kỹ thuật ống nghiệm)
146	283	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật trên giấy)
147	284	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật trên thẻ)

pl

148	285	Định nhóm máu hệ ABO bằng giấy định nhóm máu để truyền máu toàn phần, khối hồng cầu, khối bạch cầu
149	510	H. HUYẾT HỌC LÂM SÀNG Truyền thuốc chống ung thư đường tĩnh mạch
		XXIII. HÓA SINH
		B. NƯỚC TIỂU
150	172	Điện giải niệu (Na, K, Cl)
151	176	Định lượng Axit Uric
152	184	Định lượng Creatinin
		E. DỊCH CHỌC DÒ (Dịch màng bụng, màng phổi, màng tim...)
153	216	Định lượng Creatinin
154	223	Định lượng Ure
		XXIV. VI SINH, KÝ SINH TRÙNG
		A. VI KHUẨN
		1. Vi khuẩn chung
155	1	Vi khuẩn nhuộm soi
156	2	Vi khuẩn test nhanh
157	3	Vi khuẩn nuôi cấy và định danh phương pháp thông thường
158	4	Vi khuẩn nuôi cấy và định danh hệ thống tự động
159	5	Vi khuẩn nuôi cấy, định danh và kháng thuốc hệ thống tự động
		2. Mycobacteria
160	18	AFB trực tiếp nhuộm huỳnh quang
161	26	Mycobacterium tuberculosis kháng thuốc PZA môi trường lỏng

DE